

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu Hòa Phong tại xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, công suất 5.000.000 sản phẩm/năm của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hòa Phong.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3489/QĐ-UBND ngày 17/09/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu Hòa Phong tại xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu Hòa Phong tại xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương tại Công văn số 6285/STNMT - BVMT ngày 10/9/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 188/CV-MT ngày 28/10/2020 của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hòa Phong;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1151/Tr-STNMT ngày 06/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất giấy thể thao xuất khẩu Hòa Phong, công suất 5.000.000 sản phẩm/năm của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hòa Phong (sau

đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hòa Phong và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án: Nhà máy giày thể thao xuất khẩu Hòa Phong tại xã Quảng Bình,
huyện Quảng Xương, công suất 5.000.000 sản phẩm/năm của
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hòa Phong.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

- Tên dự án: Nhà máy giày thể thao xuất khẩu Hòa Phong, tại xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương công suất 5.000.000 sản phẩm/năm.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Hòa Phong.
- Trụ sở giao dịch: Số 511 khu quy hoạch đất ở, thôn Kiều Đông, xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
- Đại diện: Bà Phạm Thị Bích Ngọc - Chức vụ: Giám đốc.
- Phương tiện liên hệ (Điện thoại): 02253.520.299
- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:
 - + Dự án Nhà máy giày thể thao xuất khẩu Hòa Phong tại xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương có diện tích 53.586 m², bao gồm các hạng mục công trình sau: Nhà văn phòng, nhà ký túc xá + y tế, nhà ăn công nhân, nhà xưởng sản xuất, nhà sản xuất phụ trợ, nhà kho để giày, nhà máy nén khí, nhà keo độc hại, nhà chứa nguyên liệu dệt, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh công nhân,....
 - + Công suất: 5.000.000 sản phẩm/năm

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 4,6 m³/ngày (nước thải vệ sinh khoảng 2,3 m³/ngày; nước rửa tay chân khoảng 2,3 m³/ngày); Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...
- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng lớn nhất khoảng 0,08 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...
- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 16,32 m³/ngày; Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; san lấp mặt bằng; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO.....

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 32kg/ngày chủ yếu của công nhân thi công trên công trường. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, lá cây, cành

cây, gỗ, giấy loại, thuỷ tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,.....

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Bao bì xi măng: 23.286,38 kg/quá trình thi công xây dựng.

+ Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá... là: 659,19 tấn.

+ Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại...: 34,98 tấn.

+ Đất đào bóc hữu cơ và đất dư thừa trong quá trình đào đắp thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án: 31.011,282 tấn

2.1.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ thùng đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang,... khối lượng khoảng 40 kg/toàn bộ quá trình thi công.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy thải với lưu lượng khoảng 822,5lít/toàn bộ quá trình thi công.

2.1.5. Tác động do tiếng ồn, độ rung

- Tác động do tiếng ồn: Tại vị trí cách nguồn phát sinh trên 100m trở lên, mức ồn cho các phương tiện gây ra nằm trong giới hạn cho phép. Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của phương tiện máy móc thi công trên công trường chủ yếu ảnh hưởng đến công nhân lao động thi công trên công trường.

- Tác động do độ rung: Mức rung từ các phương tiện máy móc, thiết bị trong giai đoạn thi công vượt giới hạn cho phép đối với khu vực xung quanh trong khoảng 16 m trở lại, nhưng nằm trong giới hạn cho phép ở khoảng cách 18 m trở lên theo QCVN 27: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa khuôn in (in logo, in chữ); dụng cụ pha chế keo và hóa chất phát sinh khoảng 50lít/ngày.

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên Nhà máy phát sinh khoảng 64,8 m³/ngày.đêm, trong đó: Nước thải nhà ăn: 12,96 m³/ngày.đêm; Nước thải nhà vệ sinh: 19,44 m³/ngày.đêm; Nước thải tắm giặt: 32,4 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật, Coliform...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng lớn nhất khoảng 6,54 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất chủ yếu từ công đoạn may mũ giày, ráp đế giày và mũ giày, phối dây viền đế, cắt may, in thêu. Thành phần chủ yếu: Bụi vải, hơi dung môi hữu cơ,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện ra vào khu vực dự án, hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Thành phần chủ yếu: Bụi, NO₂, SO₂, CO, NH₃,...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 790 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...;

- Chất thải rắn sản xuất phát sinh khoảng 142,95 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: vãi vụn, da, chỉ thừa, bìa carton, giấy lỗi,...

- Ngoài ra, có bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn từ hoạt động chỉnh trang cảnh quan và vệ sinh môi trường.

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu gồm keo dán giày thải bị hỏng, hộp mực, bóng đèn, linh kiện, thiết bị điện tử thải, giẻ lau dầu, bao bì, găng tay dính dầu mỡ, dầu động cơ, mực in thừa...khối lượng khoảng 3.467 kg/năm.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là nước vệ sinh dụng cụ in logo, pha chế hóa chất có khối lượng khoảng 50lít/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng gần đường thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm (có kích thước $d \times r \times h = 0,7 \text{m} \times 0,7 \text{m} \times 0,5 \text{m}$) để lắng loại bỏ bùn đất, khoảng cách các hố ga là 50m, sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

3.1.2. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân được thu gom về hố lắng nước thải xây dựng có dung tích 6m³ (kích thước 2m x 2m x 1,5m) trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: Nhà thầu thi công thuê 05 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu lán trại. Mỗi nhà vệ sinh di động có dung tích bồn nước là 400 lít và bồn phân là 1.200 lít. Định kỳ 02 ngày/lần đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải đem đi xử lý.

3.1.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Nước thải xây dựng được thu gom về hố lắng tạm tại khu vực lán trại có

thể tích 18m³ (kích thước 4,0m x 3,0m x 1,5m) trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.4. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển. Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc thi công. Phun nước dọc tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng nếu phát sinh nhiều bụi.

- Quét dọn vệ sinh ở các tuyến đường xung quanh khu đất dự án.

- Trong quá trình san gạt mặt bằng, sử dụng xe chở xitec dung tích 5m³ phun tưới nước 04 lần/ngày. Thực hiện trút đổ đất đến đâu, san nền lu lèn tạo mặt bằng đến đó để tránh bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Xây dựng hàng rào bằng tôn xung quanh khu đất thi công xây dựng để giảm bụi và tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công.

3.1.5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí 2 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 60 lít tại khu vực lán trại công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Đối với đất đào bóc phong hóa và đất dư thừa trong quá trình thi công: Một phần đất bóc phong hóa (khoảng 150m³) được tận dụng phục vụ công tác trồng cây trong khuôn viên Nhà máy khi đi vào hoạt động; phần còn lại được vận chuyển đi đổ thải tại khu vực bãi thải phía Đông sân vận động xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương (theo đúng nội dung biên bản thống nhất vị trí đổ thải của chủ đầu tư và UBND xã Quảng Bình);

- Đối với cát, đá rơi vãi trong toàn bộ thời gian thi công được tận dụng làm vật liệu san lấp nền đường thi công.

- Đối với loại chất thải rắn như bìa carton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng có khối lượng 58,266 tấn/toàn bộ quá trình thi công xây dựng được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

3.1.6. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trang bị 02 thùng chứa chất thải rắn nguy hại có thể tích 50 lít/thùng và 5 thùng chứa chất thải lỏng nguy hại có thể tích 200 lít/thùng để chứa riêng biệt chất thải rắn nguy hại và chất thải lỏng nguy hại, các thùng chứa có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định.

- Kết thúc quá trình thi công xây dựng đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Đối với nước mưa chảy tràn trên mái nhà, sân đường trong khuôn viên thu gom bằng hệ thống mương rãnh xung quanh các khu nhà, sân đường nội bộ → hố ga → mương tiêu thoát nước của khu vực → kênh thoát nước khu vực dẫn ra sông Lý.

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải rửa tay chân ($32,4\text{m}^3/\text{ngày}$) → mương rãnh → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy, công suất $80\text{ m}^3/\text{ngày}$ → đường ống thoát nước thải của Công ty → kênh thoát nước khu vực dẫn ra sông Lý.

+ Nước thải vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) ($19,44$) → bể tự hoại 03 ngăn (02 bể, mỗi bể có dung tích 160m^3) → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy, công suất $80\text{ m}^3/\text{ngày}$ → đường ống thoát nước thải của Nhà máy → kênh thoát nước khu vực dẫn ra sông Lý.

+ Nước thải nhà ăn ($12,96\text{ m}^3/\text{ngày}$) → song chắn rác → bể tách dầu mỡ (dung tích 32m^3) → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy, công suất $80\text{ m}^3/\text{ngày}$ → đường ống thoát nước thải của Nhà máy → kênh thoát nước khu vực dẫn ra sông Lý.

- Nước thải sản xuất (nước vệ sinh dụng cụ in logo, pha chế hóa chất) ($50\text{l}/\text{ngày}$) → thu gom vào các thùng chứa chuyên dụng ($1\text{m}^3/\text{thùng}$) → lưu giữ tại nhà chứa keo → Hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại đem đi xử lý.

* Quy trình công nghệ của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $80\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể UASB → Bể trung gian → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng sơ cấp → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → kênh thoát nước khu vực dẫn ra sông Lý.

Nước thải phải được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý. Bố trí khu vực thuận lợi phục vụ việc lấy mẫu giám sát định kỳ của đơn vị hoặc kiểm tra giám sát của cơ quan nhà nước.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

* Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất

- Đối với nhà xưởng sản xuất: Sử dụng quạt thông gió có công suất $1,1\text{kW}$, tốc độ gió 460 vòng/phút , lưu lượng gió $38.000\text{ m}^3/\text{h}$. Số lượng quạt hút gió công nghiệp trong mỗi xưởng sản xuất là: 120 cái.

- Đối với kho chứa hóa chất: Bố trí 2 quạt hút gió công nghiệp 500 , có

công suất 180W, lưu lượng gió 1.600 m³/h.

- *Đối với công đoạn pha cắt may mũ giấy:* Trang bị 02 đầu hút đặt tại các máy cắt và máy gọt trong dây chuyền sản xuất và được các quạt hút có công suất 1,5kw hút qua đường ống nhựa mềm về 02 hệ thống lọc bụi túi vải sau đó thải ra môi trường.

- *Đối với công đoạn ép đế giày và mũ giấy:* Sử dụng thiết bị máy quét keo tự động, có đường ống dẫn keo đến trực tiếp đầu lông bàn chải. Với công nghệ này hơi dung môi trong keo dán giấy phát tán ra môi trường giảm nhiều so với phương pháp cũ.

- *Đối với công đoạn in thêu:* Sử dụng các máy móc thiết bị in tự động để giảm thiểu các khí độc hại từ mực in ảnh hưởng đến công nhân sản xuất.

- *Đối với công đoạn vệ sinh sản phẩm:* Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân, trong quá trình thực hiện phải để sản phẩm xa mắt, mũi, miệng.

Ngoài ra, mùi, khí thải phát sinh tại công đoạn pha keo, in thêu và vệ sinh sản phẩm còn được xử lý, giảm thiểu bằng biện pháp dùng chụp hút bố trí tại các công đoạn trên và quạt hút qua ống thoát khí, hấp thụ bằng than hoạt tính trước khi thải ra môi trường.

- *Đối với hoạt động của các phương tiện ra, vào Nhà máy:* Các phương tiện tham gia vận chuyển, ra, vào Nhà máy được bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định.

- Thường xuyên vệ sinh công nghiệp; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo đúng quy định; lắp đặt hệ thống thông gió công nghiệp tại các nhà kho, nhà xưởng làm việc; trồng cây xanh khu vực khuôn viên Nhà máy.

** Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện ra, vào Nhà máy:*

Các phương tiện tham gia vận chuyển ra, vào Nhà máy được bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định.

** Giảm thiểu khí thải phát sinh từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải*

Vận hành, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ hệ thống cống rãnh. Bổ sung chế phẩm vi sinh vào hệ thống xử lý nước thải để tăng hiệu quả xử và giảm phát sinh mùi.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

** Chất thải rắn sinh hoạt:*

- *Đối với khu nhà ăn, nhà bếp:* Trang bị 250 thùng rác nhỏ đặt phía dưới bàn ăn, 05 thùng composite loại 120 lít/thùng.

- *Đối với khu nhà văn phòng:* Bố trí các thùng rác nhỏ, hành lang từng tầng của khu nhà bố trí 06 thùng composite 60 lít/thùng (Mỗi tầng 03 thùng).

- *Đối với khu nhà ký túc xá + y tế:* Bên trong mỗi phòng nghỉ đều có các thùng rác nhỏ, hành lang từng tầng của khu nhà bố trí 08 thùng composite 60 lít/thùng (Mỗi tầng 03 thùng, trong đó 6 thùng màu xanh đựng chất thải rắn thông thường; 2 thùng màu vàng đựng chất thải rắn y tế nguy hại).

Chất thải rắn sinh hoạt sau khi thu gom được đưa về nhà để rác thải của Nhà máy và hợp đồng với đơn vị có chức năng đem đi xử lý.

** Chất thải rắn sản xuất:*

- Khu vực nhà xưởng sản xuất: Bố trí các thùng nhựa có dung tích 80 lít/thùng để thu gom chất thải rắn sản xuất (vải, da vụn và cao su thừa, bìa carton,...), hằng ngày thu gom vào các bao bì và đưa về nhà để rác của Nhà máy và hợp đồng với đơn vị có chức năng đem đi xử lý.

Nhà để rác thải của Nhà máy được xây dựng với diện tích 1.080 m², tường gạch, có mái che bằng tôn, nền láng xi măng. Bên trong khu vực để rác thải chia làm 03 ngăn: ngăn để chất thải nguy hại, ngăn để chất thải rắn sinh hoạt và ngăn để chất thải rắn sản xuất.

** Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy:*

Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trang bị các thùng chứa chất thải rắn nguy hại có thể tích 200 lít/thùng để chứa riêng biệt các loại chất thải nguy hại, các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định;

- Các thùng đựng chất thải nguy hại đều có ký hiệu cảnh báo nguy hại và đặt tại khu nhà để rác của Nhà máy. Nhà để rác thải của Nhà máy được xây dựng với diện tích 1.080 m², tường gạch, có mái che bằng tôn, nền láng xi măng. Bên trong khu vực để rác thải chia làm 03 ngăn: ngăn để chất thải nguy hại, ngăn để chất thải rắn sinh hoạt và ngăn để chất thải rắn sản xuất.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Giám sát chất lượng khí thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu tại khu vực lán trại công nhân.

+ 01 mẫu tại khu vực thi công dự án.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

4.1.2. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, TSS, BOD₅, NH₄⁺, PO₄³⁻, Coliform

- *Vị trí giám sát:*

+ 01 mẫu nước thải sau hồ lắng rửa xe tại khu vực lán trại

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

4.2. Giám sát chất lượng môi trường giai đoạn vận hành

4.2.1. Giám sát chất lượng không khí

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí lấy mẫu:

+ 01 mẫu tại khu vực nhà xưởng sản xuất 1.

+ 01 mẫu tại khu vực nhà xưởng sản xuất 2.

+ 01 mẫu tại khu vực xưởng in xoa.

+ 01 mẫu tại khu vực xưởng pha chế keo.

Các chỉ tiêu phân tích: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, hơi dung môi hữu cơ (Cyclohexan, Axetone, Etylen, Axit axetic).

+ 01 mẫu tại khu vực nhà ăn. Các chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO, NH₃, H₂S.

+ 01 mẫu tại khu vực chứa rác tạm thời. Các chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NH₃, H₂S.

+ 01 mẫu tại khu xử lý nước thải tập trung. Các chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NH₃, H₂S.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2.2 Giám sát chất lượng nước thải

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, TSS, Amoni, tổng N, tổng P, dầu mỡ động thực vật, tổng coliform.
- Vị trí giám sát:
 - + 01 mẫu nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.
 - + 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- *Quy chuẩn áp dụng*: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.